

Bản án số: 26/2019/HS-ST
Ngày: 13/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Đặng Thị Thới**

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà **Ngô Thị Luân**

+ Ông **Nguyễn Thái Duy**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Dũng** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Đạt Quyết** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Đ. T. P, sinh năm: 1991. Tại: Bình Định; Nơi cư trú: thôn N, xã S, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ văn hóa: 09/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đ. V. H, sinh năm 1967 và bà N. T. T. P, sinh năm 1970; Bị cáo có vợ là L. T. T, sinh năm: 1997 và có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án số 126/HSST ngày 23/9/2009 của TAND thành phố Đà Lạt xử phạt Đ. T. P 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 12 tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*” và Tại bản án số 06/2015/HSST ngày 28/01/2015 của TAND huyện Lâm Hà xử phạt Đ. T. P 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 29/11/2018 đến nay. Hiện bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện Lâm Hà. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Đ. T. P: Luật sư P. Là Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Phương Đại Nghĩa – Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

- Người bị hại: Chị **N’Dòng R**, sinh năm: 1989. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh **N. H. H**, sinh năm: 1984; (Có mặt)

Chị **N. H. T. P**, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố T, Thị trấn V, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2017, Đ. T. P có quen với 01 người trên Facebook tên Linh ở Đà Lạt. Đầu tháng 10/2018, Linh gọi điện thoại rủ P tìm người có nhu cầu xin việc làm để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lấy tiền tiêu xài. Chị N'Dòng R đang cần việc làm có lên mạng xã hội facebook để tìm thì thấy người có tên trên Facebook là Trần Hiền có đăng tuyển việc làm, chị R được người này cho số điện thoại để tư vấn giới thiệu việc làm. Sau đó, chị R nhận được điện thoại của một người tự giới thiệu tên là Linh làm trong ngành công an, tư vấn và hứa sẽ xin cho chị vào làm việc tại cơ quan công an. Ngày 20/10/2018, Linh và P hẹn gặp chị R tại quán cà phê Vĩnh Nguyên thuộc Thị trấn V, huyện Lâm Hà. Tại đây, P và Linh hứa hẹn xin việc cho chị R vào ngành công an, lương 7.000.000đồng/tháng. P nói sẽ xin làm việc bên phòng chống mại dâm, trước khi vào làm thì phải thử công việc trước, P đã đưa chị R đi thuê phòng tại nhà nghỉ Minh Huệ thuộc Thị trấn V, huyện Lâm Hà. Tại đây, P và chị R đã quan hệ tình dục với nhau. Sau khi chị R về lại Di Linh thì P gọi điện thoại yêu cầu chị R gửi xe buýt xuống Phú Sơn chiếc điện thoại di động (ĐTDD) nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J7 cho P để P cài định vị tiện cho công việc liên lạc và chị R đã thực hiện. Nhận được điện thoại, P đã gọi cho Linh và đưa cho Linh chiếc điện thoại này. Đến ngày 27/10/2018, P lại hẹn chị R đến quán cà phê Vĩnh Nguyên và yêu cầu chị R đưa xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Novo mang biển kiểm soát 49G1 – 271.73 cùng giấy tờ đăng ký xe mang tên chị R cho P để P đổi biển số xanh phục vụ cho công tác của chị R sau này. Nhận được xe máy, P và Linh cùng 01 đối tượng lạ mặt đã ký giả giấy tờ mua bán, tặng cho xe máy. Sau đó, P đưa giấy tờ giả đến UBND xã S xác nhận và liên hệ với cơ quan có chức năng sang tên trên giấy tờ đối với xe máy trên cho mình. Đến ngày 27/11/2018, P mang xe đến tiệm cầm đồ H. Dở Thị trấn V bán lấy số tiền 13.000.000đồng, P mua 01 xe mô tô Wave biển kiểm soát 49S1 – 061.03 hết 5.500.000đồng còn lại P tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, P đã nhiều lần yêu cầu chị R chuyển tiền qua tài khoản của P ở Ngân hàng Sacombank – Phòng giao dịch Lâm Hà và bị hại đã trực tiếp đưa tiền cho P. Tổng số tiền mà chị N'Dòng R đã đưa và chuyển vào tài khoản của P là 23.000.000đồng. Đối với số tiền và tài sản chiếm đoạt của chị R, P chuyển cho đối tượng tên Linh 11.500.000 đồng và 01 chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy J7. Đối tượng tên Linh hiện nay vẫn chưa xác định được nhân thân, lai lịch.

Vật chứng thu giữ: Thu giữ 01 thẻ ATM của Ngân hàng Sacombank mang tên Đ. T. P, 01 sim điện thoại Viettel, 01 sim điện thoại Vinaphone, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia F3113, 01 xe mô tô biển kiểm soát 49S1 – 061.03, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Novo mang biển kiểm soát 49G1-271.73 và 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Đ. T. P.

Ngày 29/11/2018, Hội đồng định giá huyện Lâm Hà kết luận: chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J7 có giá trị 2.574.000đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Novo mang biển kiểm soát 49G1 – 271.73 có giá trị 28.693.000đồng.

Từ đó xác định tổng giá trị tài sản của chị R bị Đ. T. P dùng thủ đoạn để chiếm đoạt của người bị hại trong khoản thời gian từ ngày 20/10/2018 đến ngày 11/11/2018 là 54.267.000đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình đã bồi thường cho người bị hại - chị N'Dòng R số tiền 26.000.000đồng. Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường và cũng đã có đơn bãi nại đối với hành vi của bị cáo; Anh N. H. H yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền bán xe máy là 13.000.000đồng.

Tại bản cáo trạng số 24/CT-VKS-LH ngày 25/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà truy tố bị cáo Đ. T. P về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Tuyên bố bị cáo Đ. T. P phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đ. T. P **từ 15 đến 18 tháng tù.**

Đối với đối tượng tên Linh, hiện nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Khi nào điều tra, xác minh làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với anh N. H. H là người mua xe mô tô của Đ. T. P nhưng khi mua không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Ngoài ra, đề nghị HĐXX kiến nghị UBND xã S, huyện Lâm Hà nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến việc chứng thực chữ ký trên các Hợp đồng mua bán, tặng cho tài sản.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Bị hại chị R không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét.

+ Buộc bị cáo phải trả lại cho anh N. H. H – chị Nguyễn Hoàng Thùy Dương số tiền **13.000.000 đồng** (*Mười ba triệu đồng chẵn*).

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi bổ sung 2017*) và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Novo, màu sơn xanh - trắng, mang biển kiểm soát 49G1-271.73, không có gương chiếu hậu bên trái (*đã qua sử dụng*), theo chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Đ. T. P: Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người bị hại nên đề nghị trả lại cho chị N'Dòng R;

+ Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia F3113 màu đen xám: Đây là công cụ, phương tiện do bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

+ Đối với 01 thẻ ATM của Ngân hàng Sacombank có mã số 970403980420139, mặt sau thẻ có ghi chữ Đ. T. P, 01 sim điện thoại Viettel (*số seri 8984 048000028392526*), 01 sim điện thoại Vinaphone (*số seri: 8984 0200010748177300*), 01 sim số 0976.485 264 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Novo, biển kiểm soát 49G1-271.73 mang tên Đ. T. P:

Đây là công cụ, phương tiện do bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nhưng không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy;

- Đối với xe mô tô Honda Wave α mang biển kiểm soát 49S1 – 061.03, số khung APDMCH3PD5A0A2848, không có yếm (*đã qua sử dụng*) do chưa rõ nguồn gốc, chủ sở hữu nên đề nghị giao cho Công an huyện Lâm Hà để tiếp tục xác minh nguồn gốc, chủ sở hữu hợp pháp và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Đ. T. P phải chịu án phí HSST theo quy định.

Đồng thời, tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

** Luật sư P – Văn phòng Luật sư Nguyễn Phương Đại Nghĩa thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng là người bào chữa cho bị cáo Đ. T. P trình bày quan điểm tranh luận:*

- Luật sư Hoàng thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh truy tố đối với bị cáo Đ. T. P.

- Về hình phạt áp dụng đối với Đ. T. P:

Mặc dù bị cáo là người đã thực hiện hành vi trái pháp luật hình sự nhưng để hậu quả xảy ra cũng do một phần lỗi của người bị hại đã quá chủ quan, dễ dàng tin tưởng mà không cần trọng suy xét hành vi và lời hứa hẹn của đối phương có căn cứ và phù hợp với thực tế hay không, bởi lẽ: Để xin vào làm việc tại cơ quan công an thì không chỉ đòi hỏi các điều kiện về bằng cấp mà còn đòi hỏi điều kiện về đào tạo chuyên môn nghiệp. Trong thời đại công nghệ thông tin như hiện nay, vấn đề này cũng đã được đề cập thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng. Bị hại là người có trình độ, có học thức. Bản thân bị hại biết rõ mình không có những bằng cấp cơ bản để đáp ứng các điều kiện cơ bản để xin vào làm ở ngành công an nhưng để đạt được mục đích, bị hại đã không ngừng chấp nhận các yêu cầu mà bị cáo đã nêu ra. Tại phiên tòa, bị hại cũng thừa nhận một phần trách nhiệm la do lỗi của bản thân.

Riêng bị cáo Đ. T. P: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là trái pháp luật. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã vận động người thân bồi thường cho người bị hại 26.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Mặt khác, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Đồng thời phía người bị hại cũng đã có đơn bãi nại và cũng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS nên đề nghị HĐXX xem xét vận dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình, cũng thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước cho bị cáo một cơ hội cải tạo, sửa chữa lỗi lầm sớm trở thành người có ích cho xã hội.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX giải quyết phần bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo Đ. T. P đã khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và lời bào chữa của luật sư. Bị cáo P nhận thấy hành vi của mình là trái pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bản thân để bị cáo sớm quay lại cộng đồng trở thành người có ích cho xã hội.

* **Người bị hại:** Chị N'Dòng R không yêu cầu bị cáo phải bồi thường và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, người bị hại đề nghị HĐXX xem xét để chị có thể nhận lại chiếc xe máy đã bị bị cáo P chiếm đoạt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh N. H. H, chị N. T. T. P yêu cầu bị cáo Đ. T. P phải trả lại số tiền bán xe là 13.000.000 đồng (*Mười ba triệu đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

{1} Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lâm Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2} Về chứng cứ xác định tội: Lời khai nhận của bị cáo Đ. T. P tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai nhận của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa cho thấy:

Quen biết trên mạng xã hội Facebook sau khi khai thác thông tin mà đối phương muốn có được, đối tượng tên Linh (*hiện vẫn chưa xác định được danh tính, nhân thân, lai lịch*) đã cấu kết với bị cáo Đ. T. P lấy cớ sẽ tìm cho công việc làm ở cơ quan công an nhằm tạo lòng tin và thỏa mãn nhu cầu của người tìm việc nên trong khoảng thời gian từ ngày 20/10/2018 đến ngày 11/11/2018, bị cáo P cùng đồng bọn đã dùng nhiều thủ đoạn khác nhau chiếm đoạt của chị N'Dòng R các tài sản gồm: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy J7; 01 mô tô nhãn hiệu Yamaha Novo mang biển kiểm soát 49G1 – 271.73 và giấy đăng ký xe mô tô, bảo hiểm xe máy mang tên N'Dòng R; Và số tiền **23.000.000đồng** (*Trong đó có 21.500.000đồng là số tiền do chị R đã nộp vào tài khoản của Đ. T. P được mở tại ngân hàng Sacombank – PGD Lâm Hà; Riêng 1.500.000đồng còn lại thì bị hại đã đưa trực tiếp bằng tiền mặt cho bị cáo*). (BL 26 -32; 33; 94, 95).

Tại biên bản về việc định giá tài sản và kết luận số 138/HĐĐG ngày 29/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự – UBND huyện Lâm Hà xác định: xe gắn máy 02 bánh nhãn hiệu Yamaha, số loại Novo 125, màu xanh -

trắng, biển kiểm soát 49G1 – 271.73 đăng ký lần đầu tháng 3/2015, tỷ lệ chất lượng còn lại 70% trị giá 28.693.000đồng và điện thoại nhãn hiệu Sam Sung, số loại Galaxy J7 Prime, màu vàng đồng, mua mới năm 2017, tỷ lệ chất lượng còn lại 60% trị giá 2.574.000đồng (BL 18, 19).

Từ đó xác định được tổng giá trị tài sản mà bị cáo Đ. T. P cùng đồng bọn dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của chị N'Dòng R là **54.267.000đồng** (*Năm mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn đồng*).

Qua đó có đủ căn cứ cho thấy, hành vi trên của bị cáo Đ. T. P đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra trong vụ án này còn có đối tượng tên Linh cùng cấu kết với bị cáo Đ. T. P chiếm đoạt tài sản của bị hại, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch, khi nào làm rõ thì tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật.

{3} Về tính chất hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Xét tính chất hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội thể hiện thái độ coi thường pháp luật, hành vi trên không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Về nhân thân: vào năm 2009, bị cáo bị TAND thành phố Đà Lạt xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 12 tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Năm 2015, bị TAND huyện Lâm Hà xử phạt 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Qua đó cho thấy, bị cáo đã từng bị xử phạt tù về cùng hành vi nhưng không lấy đó làm bài học để sửa đổi, cải tạo bản thân thành người có ích cho xã hội mà tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Do vậy cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mới có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Tuy nhiên cũng thấy rằng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Mặt khác sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã tác động đến gia đình chủ động bồi thường cho người bị hại - chị N'Dòng R số tiền 26.000.000đồng (*Hai mươi sáu triệu đồng*) để khắc phục hậu quả. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 “*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*” cần được áp dụng cho bị cáo Đ. T. P khi lượng hình.

Bên cạnh đó, để cho hậu quả xảy ra cũng do một phần lỗi từ phía người bị hại đã không cẩn trọng suy xét triệt để vấn đề để bị cáo có cơ hội lợi dụng vào đó nhiều lần thực hiện trót lọt hành vi chiếm đoạt tài sản của mình. Đồng thời qua quá trình điều tra, người bị hại chị N'Dòng R có đơn bãi nại đối với hành vi của bị cáo. Và tại phiên tòa, chị N'Dòng R cũng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được

quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS nên cần được áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo đề nghị của Luật sư bào chữa là có căn cứ.

{4} Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với người bị hại chị N'Dòng R: Quá trình điều tra, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại một khoản tiền để khắc phục hậu quả, chị R cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm. Do đó HĐXX không xem xét.

- Đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh N. H. H - chị N. H. T. P (*Là chủ cơ sở kinh doanh cửa hiệu cầm đồ H. D*): Quá trình xảy ra vụ việc, bị cáo đã bán cho cửa hiệu cầm đồ H. D chiếc xe gắn máy 02 bánh nhãn hiệu Yamaha, số loại Novo 125, màu xanh -trắng, biển kiểm soát 49G1 – 271.73 (*là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị N'Dòng R mà bị cáo đã chiếm đoạt*) với giá 13.000.000đồng. Tại thời điểm nhận mua, tài sản trên đã được sang tên cho Đ. T. P nên chủ hiệu cầm đồ H. D không thể biết được đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Đồng thời quá trình giải quyết vụ án, chủ hiệu cầm đồ H. D cũng đã tự nguyện giao nộp tài sản này cho Công an huyện Lâm Hà để phục vụ cho công tác điều tra. Do vậy đối với yêu cầu của chủ hiệu cầm đồ H. D buộc bị cáo Đ. T. P phải trả lại số tiền 13.000.000đồng (*Mười ba triệu đồng*) là có căn cứ nên cần chấp nhận.

{5} Về vật chứng của vụ án:

Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra Công an huyện Lâm Hà đã thu giữ: 01 thẻ ATM của Ngân hàng Sacombank có mã số 970403980420139, mặt sau thẻ có ghi chữ Đ. T. P; 01 sim điện thoại Viettel (số seri 8984 048000028392526); 01 sim điện thoại Vinaphone (số seri: 8984 0200010748177300); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia F3113 màu đen xám, gắn sim số 0976.485 264 (*đã qua sử dụng*); 01 xe mô tô Honda Wave α mang biển kiểm soát 49S1 – 061.03, số khung APDMCH3PD5A0A2848, không có yếm (*đã qua sử dụng*); 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Novo, màu sơn xanh - trắng, mang biển kiểm soát 49G1-271.73, số khung BD10EY233774, không có gương chiếu hậu bên trái (*đã qua sử dụng*) và 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Đ. T. P (*Tại các BL 62; 86; 90, 91; 108; 138, 138a*).

Xét thấy:

- Đối với thẻ ATM của Ngân hàng Sacombank có mã số 970403980420139, mặt sau thẻ có ghi chữ Đ. T. P; 01 sim điện thoại Viettel (số seri 8984 048000028392526); 01 sim điện thoại Vinaphone (số seri: 8984 0200010748177300); 01 sim số 0976.485 264; và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Novo, màu sơn xanh - trắng, biển kiểm soát 49G1-271.73 mang tên Đ. T. P: Đây là phương tiện do bị cáo sử dụng để phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia F3113 màu đen xám: Đây là công cụ được bị cáo sử dụng để phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước

- Đối với xe mô tô Honda Wave α mang biển kiểm soát 49S1 – 061.03, số máy 5A1A2848, số khung APDMCH3PD5A0A2848, không có yếm (*đã qua sử dụng*): Hiện tại chưa rõ nguồn gốc, chủ sở hữu nên cần giao cho Công an huyện Lâm Hà tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Novo, màu sơn xanh - trắng, mang biển kiểm soát 49G1-271.73, số khung DB10EY233774, không có gương chiếu hậu bên trái (*đã qua sử dụng*), theo chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Đ. T. P: Xét đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị N'Dòng R. Sau khi chiếm đoạt, bị cáo đã làm giả giấy tờ mua bán được UBND xã S xác nhận và bị cáo đã hoàn thành thủ tục sang tên trên giấy tờ xe cho mình. Do đó cần trả lại tài sản này cho chủ sở hữu là chị N'Dòng R. Chị N'Dòng R có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy đúng với quy định của pháp luật.

Các vật chứng của vụ án đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà (*Theo Quyết định chuyển vật chứng số 10/QĐ-VKS-LH ngày 25/3/2019 của VKSND huyện Lâm Hà và biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/3/2019*). (BL 138, 138a).

{6} Về án phí:

Đối với án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Đ. T. P phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với án phí dân sự sơ thẩm: Xét thấy, bị cáo có con nhỏ, không có tài sản riêng phải ở cùng nhà với cha mẹ, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Bản thân bị cáo có mức thu nhập không ổn định nên cần thiết miễn cho bị cáo toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

{7} Kiến nghị khắc phục sai phạm: Quá trình diễn ra vụ việc, bị cáo Đ. T. P đã sử dụng giấy tờ giả mạo được UBND xã S, huyện Lâm Hà ký chứng thực trên giấy mua bán, tặng cho tài sản (*xe máy*) mà không có sự có mặt của bên bán. Từ đó, bị cáo đã hoàn thành thủ tục sang tên trên giấy đăng ký mô tô, xe máy cho mình. Việc chứng thực giấy tờ mua bán, tặng cho tài sản trên của UBND xã S là không đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy trình liên quan đến hoạt động chứng thực văn bản, giấy tờ nhưng đã góp phần giúp bị cáo hoàn thành hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác (*hợp thức hóa tài sản phi pháp thành tài sản hợp pháp*). Để đảm bảo cho công tác phòng chống tội phạm có hiệu quả, HĐXX xét thấy cần kiến nghị UBND xã S nghiêm chỉnh thực hiện đúng các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động chứng thực giấy tờ pháp lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đ. T. P phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

- Áp dụng c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*).

Xử phạt bị cáo Đ. T. P 18 (*Mười tám*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày **29/11/2018**.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 BLHS 2015 và các [Điều 584](#), [Điều 585](#), [Điều 586 BLDS 2015](#).

Buộc bị cáo Đ. T. P phải trả cho anh chị N. H. H - N. H. T. P (*Là chủ cơ sở kinh doanh của hiệu cầm đồ H. D*) số tiền 13.000.000đồng (*Mười ba triệu đồng*)

Căn cứ Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, kể từ ngày bên được thi hành án dân sự có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường, hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho chị N'Dòng R: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Novo, màu sơn xanh - trắng, mang biển kiểm soát 49G1-271.73, số khung DB10EY233774, không có gương chiếu hậu bên trái (*đã qua sử dụng*), theo chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Đ. T. P. Chị N'Dòng R có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh lại tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy đúng với quy định của pháp luật;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia F3113 màu đen xám;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ ATM của Ngân hàng Sacombank có mã số 970403980420139, mặt sau thẻ có ghi chữ Đ. T. P; 01 sim điện thoại Viettel (*số seri 8984 048000028392526*); 01 sim điện thoại Vinaphone (*số seri: 8984 0200010748177300*); 01 sim số 0976.485 264 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Novo, màu sơn xanh - trắng, biển kiểm soát 49G1-271.73 mang tên Đ. T. P;

- Giao cho Công an huyện Lâm Hà 01 xe mô tô Honda Wave α mang biển kiểm soát 49S1 – 061.03, số máy 5A1A2848, số khung APDMCH3PD5A0A2848, không có yếm (*đã qua sử dụng*) để tiếp tục xác minh nguồn gốc, chủ sở hữu hợp pháp và xử lý tài sản này theo quy định của pháp luật.

Các vật chứng của vụ án đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà (*Theo Quyết định chuyển vật chứng số 10/QĐ-VKS-LH ngày 25/3/2019 của VKSND huyện Lâm Hà và biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/3/2019.*)

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đ. T. P phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để xin xét xử phúc thẩm. **Người tham gia tố tụng khác**

vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKS, CA, THADS huyện Lâm Hà;
- UBND xã S, huyện Lâm Hà;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đặng Thị Thới